

UBND TỈNH HUNG YÊN
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169/ CV-TTr

Hung Yên, ngày 25 tháng 02 năm 2021


V/v hướng dẫn xây dựng VBQPPL
của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên
thuộc lĩnh vực Nội vụ

Kính gửi: Các phòng, ban, chi cục thuộc và trực thuộc Sở

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Để việc tham mưu xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục và đảm bảo thống nhất, Sở Nội vụ hướng dẫn Quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Hưng Yên thuộc lĩnh vực Nội vụ (Có Quy trình kèm theo).

Yêu cầu các phòng, ban, chi cục thuộc và trực thuộc Sở nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh về Thanh tra Sở để nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu Lãnh đạo Sở xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- Lãnh đạo SNV;
- Lưu: VT, TTr.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cù Trọng Khang

**QUY TRÌNH XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
CỦA HĐND, UBND TỈNH HUNG YÊN THUỘC LĨNH VỰC NỘI VỤ**

(Ban hành kèm theo Công văn số 169 /CV-SNV ngày 25 / 02/2021
của Giám đốc Sở Nội vụ)



1. MỤC ĐÍCH

Quy định thống nhất trách nhiệm giữa các phòng, ban, chi cục thuộc và trực thuộc Sở (sau đây gọi chung là phòng) trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn về thể thức, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thuộc lĩnh vực Nội vụ.

2. PHẠM VI ÁP DỤNG

Áp dụng cho hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên thuộc lĩnh vực Nội vụ đối với các phòng thuộc Sở Nội vụ.

3. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- a) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;
- b) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14;
- c) Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- d) Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- đ) Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- e) Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 ngày 12 tháng 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;
- g) Quyết định số 02/2018/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;
- h) Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2015 của UBND tỉnh ban hành về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ Hưng Yên;
- i) Quyết định số 09/QĐ-SNV ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban, chi cục thuộc và trực thuộc Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên;

k) Quyết định số 241/QĐ-SNV ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên;

l) Quyết định số 08/QĐ-SNV ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Giám đốc Sở Nội vụ ban hành Quy chế làm việc của Sở Nội vụ tỉnh Hưng Yên.

4. CHỮ VIẾT TẮT

- a) Văn bản quy phạm pháp luật: VBQPPL
- b) Nghị quyết: NQ
- c) Quyết định: QĐ
- d) Hội đồng nhân dân: HĐND
- đ) Ủy ban nhân dân: UBND
- e) Sở Tư pháp: STP
- g) Giám đốc Sở: GĐS
- h) Phó Giám đốc Sở: PGĐS
- i) Phòng chủ trì soạn thảo: PCTST
- k) Thanh tra: TTr

5. XÁC ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

a) Văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định tại Điều 2 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng được ban hành không đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật này thì không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

b) Các hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh:

Theo quy định tại Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định những nội dung sau:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

2. Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

3. Biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

4. Biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.”

- Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Theo quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 thì UBND tỉnh ban hành Quyết định để quy định những nội dung sau:

“1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

2. Biện pháp thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương;

3. Biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở địa phương.”

c) Nghị quyết do Hội đồng nhân dân và Quyết định do Ủy ban nhân dân ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị quyết do HĐND và Quyết định do UBND ban hành không phải là văn bản quy phạm pháp luật quy định những nội dung sau:

a) Nghị quyết miễn nhiệm, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và các chức vụ khác;

b) Nghị quyết phê chuẩn kết quả bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và bầu các chức vụ khác;

c) Nghị quyết giải tán Hội đồng nhân dân;

d) Nghị quyết phê chuẩn cơ cấu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương;

đ) Nghị quyết thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân; quyết định thành lập các ban, ban chỉ đạo, hội đồng, Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ trong một thời gian xác định;

e) Nghị quyết tổng biên chế ở địa phương;

g) Nghị quyết dự toán, quyết toán ngân sách địa phương;

g) Nghị quyết về chương trình, đề án, dự án, kế hoạch;

h) Quyết định phê duyệt kế hoạch;

i) Quyết định giao chỉ tiêu cho từng cơ quan, đơn vị;

k) Quyết định về chỉ tiêu biên chế cơ quan, đơn vị; quyết định về khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính cho từng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân;

l) Các nghị quyết, quyết định khác không có nội dung quy định tại các Điều 27, 28 của Luật.”

6. THỂ THỨC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG TRONG VIỆC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

a) Trách nhiệm của Phòng chủ trì soạn thảo

- Tham mưu Lãnh đạo Sở:

+ Thành lập Ban soạn thảo xây dựng VBQPPL.

+ Tổng kết thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng VBQPPL.

+ Tổ chức nghiên cứu khoa học về các vấn đề liên quan để hỗ trợ cho việc lập đề nghị xây dựng VBQPPL.



- + Xây dựng nội dung chính sách trong đề nghị xây dựng VBQPPL.
- + Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành VBQPPL.
- + Chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL.
- + Chịu trách nhiệm về việc hoàn thiện hồ sơ theo quy định.
- Gửi hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL về Thanh tra Sở để thẩm định.
- Phối hợp với Thanh tra Sở thực hiện:
 - + Lấy ý kiến; tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan đơn vị có liên quan, đối tượng chịu sự tác động.
 - + Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng VBQPPL.

b) Trách nhiệm của Thanh tra Sở

- Phối hợp với PCTST giúp Lãnh đạo Sở lập đề nghị xây dựng VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Phối hợp với PCTST chuẩn bị hồ sơ dự thảo VBQPPL trình Lãnh đạo Sở đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý hoặc đề nghị Sở Tư pháp thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Chủ trì hoặc tham gia soạn thảo các VBQPPL theo sự phân công của Lãnh đạo Sở.
- Thẩm định thể thức và tham gia ý kiến đối với dự thảo VBQPPL do các phòng soạn thảo trước khi trình Lãnh đạo Sở xem xét, đề nghị Sở Tư pháp thẩm định.
- Lập hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí xây dựng VBQPPL.

8. HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH XÂY DỰNG VBQPPL CỦA TỈNH

8.1. Quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Biểu mẫu/ Kết quả/ Thành phần hồ sơ	Nơi nhận
Bước 1	Thành lập Ban soạn thảo	PCTST		GDS
	PCTST tham mưu Giám đốc Sở quyết định thành lập Ban soạn thảo, bao gồm: Lãnh đạo phụ trách, công chức pháp chế thuộc Thanh tra Sở và công chức thuộc các phòng có liên quan tham gia xây dựng VBQPPL. Ban soạn thảo chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi VBQPPL được ban hành.		Quyết định thành lập Ban soạn thảo	
Bước 2	Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết (Thực hiện từ Điều 112 đến Điều 116 Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13)	PCTST, TTr		

<p>1. Xây dựng nội dung chính sách Xây dựng nội dung của các chính sách, mỗi chính sách cần nêu rõ phương án để thực hiện, dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo cho việc thi hành NQ sau khi được Thường trực HĐND tỉnh thông qua và đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	PCTST	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách (<i>Mẫu số 01 Phụ lục V ND số 154/2020/NĐ-CP</i>)	
<p>2. Đánh giá tác động của chính sách Xây dựng Báo cáo đánh giá đầy đủ các tác động của chính sách quy định tại Điều 6 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.</p>	PCTST		
<p>3. Xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết a) PCTST xây dựng hồ sơ đề nghị (01 ngày). b) Thanh tra Sở thẩm định thể thức và thành phần hồ sơ đề nghị (01 ngày).</p>	PCTST, TTr	Thành phần Hồ sơ gồm: - Tờ trình đề nghị xây dựng NQ (<i>Mẫu số 02 Phụ lục V ND số 154/2020/NĐ-CP</i>); - Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; - Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; - Đề cương chi tiết dự thảo NQ của HĐND cấp tỉnh (<i>Mẫu số 07,11 Phụ lục V ND số 154/2020/NĐ-CP</i>); - Tài liệu khác (<i>văn bản là cơ sở pháp lý để đề nghị xây dựng NQ, nếu có quy định thủ tục hành chính phải có đánh giá tác động của thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP</i>)	GĐS hoặc PGĐS, TTr
<p>4. Lấy ý kiến về dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết PCTST tham mưu ban hành Công văn đề nghị các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến (0,5 ngày), đăng tải dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng NQ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (<i>ít nhất 30 ngày</i>) và chịu trách nhiệm xử lý kết quả lấy ý kiến (0,5 ngày).</p>	PCTST	- Công văn đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị xây dựng NQ; - Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến (<i>Mẫu số 02, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND</i>).	GĐS hoặc PGĐS
<p>5. Gửi Sở Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Nghị quyết (Thời hạn thẩm định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Báo cáo thẩm định được gửi đến cơ quan soạn thảo chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc thẩm định) a) PCTST tổng hợp hồ sơ đề nghị xây dựng NQ đã được chỉnh lý, tham mưu Lãnh đạo Sở Công văn đề nghị thẩm định (0,5 ngày).</p>	PCTST, TTr	- Công văn đề nghị thẩm định (<i>Mẫu số 01, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND</i>). - Thành phần Hồ sơ (02 bộ) gồm: + Tờ trình đề nghị xây dựng NQ; + Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; + Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách;	STP

	b) Thanh tra Sở thẩm định thể thức và thành phần hồ sơ đề nghị đã được chỉnh lý (0,5 ngày).		+ Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; + Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến; + Tài liệu khác (nếu có). - Kết quả: Báo cáo thẩm định của STP	
	6. Xây dựng Báo cáo giải trình và chỉnh lý đề nghị xây dựng Nghị quyết - PCTST giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của STP; tham mưu Lãnh đạo Sở xây dựng Báo cáo giải trình; chỉnh lý Đề cương chi tiết dự thảo NQ (1,5 ngày). - Thanh tra Sở thẩm định thể thức và thành phần hồ sơ đề nghị đã được chỉnh lý báo cáo Lãnh đạo Sở trước khi trình UBND tỉnh (01 ngày).	PCTST	Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (Mẫu số 03, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND)	GĐS hoặc PGĐS, TTr
	7. Trình UBND tỉnh thông qua chính sách 8. UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết	PCTST, TTr	- Hồ sơ trình UBND gồm: + Tờ trình đề nghị xây dựng NQ; + Báo cáo thẩm định của STP; + Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; + Tài liệu khác (nếu có) - Hồ sơ UBND tỉnh trình Thường trực HĐND: + Tờ trình đề nghị xây dựng NQ; + Báo cáo đánh giá tác động của chính sách; + Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng các vấn đề liên quan đến chính sách; + Đề cương chi tiết dự thảo Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh; + Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến; bản chụp ý kiến góp ý; + Báo cáo thẩm định của STP; + Quyết định thông qua chính sách trong đề nghị xây dựng NQ của UBND tỉnh; + Tài liệu khác (nếu có). - Kết quả: Văn bản chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh.	UBND và HĐND
Bước 3	Xây dựng dự thảo Nghị quyết	PCTST, TTr		
	1. Xây dựng dự thảo Nghị quyết - PCTST xây dựng dự thảo NQ (0,5 ngày). - Thanh tra thẩm định thể thức (0,5 ngày).	PCTST, TTr	- Tờ trình dự thảo NQ (Mẫu số 03, Phụ lục V, NĐ số 154/2020/NĐ-CP) - Dự thảo NQ của HĐND cấp tỉnh (Mẫu số 16, 17, 36 Phụ lục I kèm theo NĐ số 154/2020/NĐ-CP)	GĐS

	<p>2. Lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết PCTST tham mưu ban hành Công văn đề nghị các cơ quan, tổ chức tham gia ý kiến (0,5 ngày), đăng tải công văn đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo NQ trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh (ít nhất 30 ngày) và chịu trách nhiệm xử lý kết quả lấy ý kiến (0,5 ngày).</p>	PCTST, TTr	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị tham gia ý kiến đối với dự thảo NQ; - Kết quả: Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo NQ (Mẫu số 02, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND) 	GĐS hoặc PGĐS
	<p>3. Gửi Sở Tư pháp thẩm định (Gửi thẩm định chậm nhất 20 ngày trước ngày UBND tỉnh họp; thời hạn thẩm định 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ)</p> <ul style="list-style-type: none"> - PCTST tổng hợp hồ sơ đề nghị xây dựng NQ đã được chỉnh lý, tham mưu Lãnh đạo Sở Công văn đề nghị thẩm định (0,5 ngày). - Thanh tra Sở thẩm định thể thức và thành phần hồ sơ đề nghị đã được chỉnh lý (0,5 ngày). 	PCTST, TTr	<ul style="list-style-type: none"> - Công văn đề nghị thẩm định đối với dự thảo NQ (Mẫu số 01, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND) - Hồ sơ (02 bộ) đề nghị thẩm định gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình dự thảo NQ + Dự thảo NQ của HĐND cấp tỉnh; + Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo NQ; bản chụp các ý kiến góp ý; + Tài liệu khác (nếu có). 	STP
	<p>4. Xây dựng Báo cáo giải trình và chỉnh lý dự thảo NQ</p> <ul style="list-style-type: none"> - PCTST giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của STP; tham mưu Lãnh đạo Sở xây dựng Báo cáo giải trình; chỉnh lý Đề cương chi tiết dự thảo NQ (1,5 ngày). - Thanh tra Sở thẩm định thể thức và thành phần hồ sơ dự thảo NQ đã được chỉnh lý (0,5 ngày). 	PCTST, TTr	<p>Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định (Mẫu số 03, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND)</p>	TTr
	<p>5. Trình UBND tỉnh (Điều 122 Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13) Gửi hồ sơ dự thảo NQ đến UBND tỉnh chậm nhất 03 ngày trước ngày UBND tỉnh họp.</p> <p>6. Gửi Ban của HĐND được phân công thẩm tra (Điều 124 Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13) Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND phải gửi hồ sơ dự thảo NQ đến Ban của HĐND được phân công thẩm tra để thẩm tra. (Lưu ý : Trao đổi với Phòng chuyên môn thuộc Văn phòng UBND tỉnh từ bước gửi hồ sơ thẩm tra)</p> <p>7. Trình HĐND tỉnh (Điều 125 Luật Ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13) Hồ sơ dự thảo NQ phải được gửi đến đại biểu HĐND chậm nhất 7 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.</p>	PCTST, TTr	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ trình UBND, Ban của HĐND, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Tờ trình dự thảo NQ; + Dự thảo NQ của HĐND cấp tỉnh; + Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo NQ; bản chụp các ý kiến góp ý; + Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; + Tài liệu khác (nếu có). - Kết quả: <ul style="list-style-type: none"> + UBND tỉnh xem xét, thảo luận, biểu quyết để quyết định việc trình dự thảo NQ. + Báo cáo thẩm tra. + HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo NQ. 	UBND và HĐND

Bước 4	Lập hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí xây dựng VBQPPL	PCTST, TTr		Văn phòng Sở
	Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thanh tra Sở phối hợp PCTST lập hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí xây dựng VBQPPL.		Hồ sơ đề nghị thanh toán (03 bộ: PCTST: 01; TTr: 01; Kế toán: 01) gồm: - Giấy đề nghị thanh toán; - Tổng hợp các khoản chi; - Danh sách đề nghị thanh toán cho các bản góp ý của dự thảo; - 01 bộ hồ sơ trình dự thảo VBQPPL. (Lưu ý: Thực hiện khi VBQPPL đã được ban hành)	

8.2. Quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13

Sau khi tiến hành thành lập Ban soạn thảo, quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thuộc khoản 1, 2, 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 thực hiện tương tự Bước 3 Mục 8.1 Quy trình này.

(Lưu ý: Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 phải thực hiện Báo cáo đánh giá tác động của chính sách).

8.3. Quy trình xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13

Sau khi tiến hành thành lập Ban soạn thảo, quy trình xây dựng Quyết định của UBND tỉnh quy định tại Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 thực hiện tương tự Bước 3 Mục 8.1 Quy trình này *(từ nội dung 1 đến 5)*.

- Hồ sơ dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, gồm:

+ (1) Tờ trình dự thảo Quyết định của UBND tỉnh (Mẫu 03, Phụ lục V, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ (2) Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh (Mẫu 18, 19, 37, 43, Phụ lục I, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

+ (3) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Quyết định (Mẫu số 02, QĐ số 02/2018/QĐ-UBND); Bản chụp ý kiến góp ý.

+ (4) Báo cáo thẩm định dự thảo quyết định của Sở Tư pháp.

+ (5) Tài liệu khác (nếu có).

(Lưu ý: Hồ sơ dự thảo Quyết định phải gửi đến UBND tỉnh chậm nhất 03 ngày trước ngày UBND tỉnh họp).

9. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ được lưu trực tiếp tại Phòng chủ trì soạn thảo. Sau khi hết hạn, chuyển hồ sơ đến đơn vị lưu trữ của Sở Nội vụ và lưu trữ theo quy định hiện hành./.